TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 07/02/2025
Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS, ngày 09/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng P**

Địa chỉ: Số nhà X, đường Y, phường T, quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Lâm, sinh năm 1970- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung Nguyên, sinh năm 19…..- Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P (Theo văn bản ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng P).

Người được ủy quyền lại:

- Ông Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh năm 19…..- Chức vụ: Giám đốc Khách hàng cá nhân

- Bà Trịnh Quyền Anh, sinh năm 1999- Chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng

Địa chỉ liên hệ: Lầu 6, số nhà 131, đường Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền số 1681/UQ-PVB ngày 19/3/2024 của Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P).

2. Bị đơn: Ông **Trần Trọng B**, sinh năm 1991

Địa chỉ theo hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K.

Địa chỉ hiện nay: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, bà Trịnh Quyền Anh có mặt, ông Trần Trọng Bắc vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2024 của Ngân hàng P, bản tự khai của Ngân hàng P, nội dung phiên không hòa giải được ngày 12/11/2024, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Bà Trịnh Quyền Anh (Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng P) trình bày:*

Ông Trần Trọng B và Ngân hàng P- Chi nhánh Kiên Giang cùng ký Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/09/2020 (Khoản góp lương), Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/08/2020 (Khoản thấu chi, Thẻ tín dụng), như sau:

Hợp đồng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/09/2020 (Khoản góp lương) có số tiền thực tế giải ngân là 85.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 15,49%/năm, từ ngày 04/12/2020 lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay là mua sắm thiết bị nội thất gia đình, tiền vay gốc được thanh toán làm 60 kỳ vào ngày 15 hàng tháng, từ kỳ 01 đến kỳ 59 là 1.410.000 đồng/tháng, kỳ 60 là 1.810.000 đồng/tháng, kỳ hạn trả lãi hàng tháng tương ứng với số nợ gốc còn nợ, ngày trả nợ đầu tiên là 15/9/2020.

Hợp đồng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/08/2020 (Khoản thấu chi) có số tiền thực tế giải ngân trực tiếp vào tài khoản của ông Trần Trọng Bắc là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 17,49%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay là thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác của ông Trần Trọng B.

Hợp đồng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/08/2020 (Thẻ tín dụng) có số tiền theo hạn mức thẻ tín dụng là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 25%/năm và được điều chỉnh theo quy định của P.

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng, ông Trần Trọng B đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết, có biểu hiện kéo dài thời gian, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 12/11/2024, số tiền mà ông Trần Trọng B đã thanh toán cho P cụ thể như sau:

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/09/2020 (Khoản góp lương):

+ Thanh toán nợ gốc: 14.249.359 đồng

+ Thanh toán nợ lãi: 9.678.999 đồng

Tổng cộng: 23.928.358 đồng.

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/08/2020 (Khoản thấu chi):

+ Thanh toán nợ gốc: 5.186.978 đồng

+ Thanh toán nợ lãi: 5.144.052 đồng

Tổng cộng: 10.331.030 đồng

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/08/2020 (Khoản thẻ tín dụng): Kể từ thời điểm hết hạn, ông Bắc đã không thanh toán thẻ tín dụng theo hợp đồng đã ký kết.

Tạm tính đến ngày 12/11/2024, dư nợ các khoản vay của ông Trần Trọng B như sau:

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/09/2020 (Khoản góp lương):

+ Nợ gốc: 70.750.641 đồng

+ Nợ lãi: 55.674.302 đồng

Tổng cộng: 126.424.943 đồng.

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày ngày 28/08/2020 (Khoản thấu chi):

+ Nợ gốc: 24.595.522 đồng

+ Nợ lãi: 21.719.289 đồng

Tổng cộng: 46.314.811 đồng

- Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/08/2020 (Khoản thẻ tín dụng): 18.029.350 đồng.

Ngân hàng P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc B thanh toán cho P tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/11/2024 là 190.769.104 đồng, trong đó: Khoản góp lương nợ gốc là 70.750.641 đồng, nợ lãi là 55.674.302 đồng; khoản thấu chi nợ gốc là 24.595.522 đồng, nợ lãi là 21.719.289 đồng; khoản thẻ tín dụng là 18.029.350 đồng.

- Ông Trần Trọng B phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 13/11/2024 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/9/2020 (Khoản góp lương); Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/8/2020 (Khoản thấu chi và thẻ tín dụng) cho đến khi ông Trần Trọng B thanh toán xong các khoản nợ cho P.

- Nếu ông Trần Trọng B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của ông Trần Trọng B để thanh toán nghĩa vụ

trả nợ cho khoản vay của Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/9/2020 (Khoản góp lương); Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/8/2020 (Khoản thấu chi và thẻ tín dụng).

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trần Trọng B theo quy định của pháp luật, nhưng ông Trần Trọng B không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Trần Trọng B.

* *Tại phiên tòa,* bà Trịnh Quyền Anh (Người đại diện theo ủy quyền của P) vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Trọng B thanh toán cho P tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/02/2025 là 198.699.300 đồng, trong đó: Khoản góp lương nợ gốc là 70.750.641 đồng, nợ lãi là 60.451.311 đồng; khoản thấu chi nợ gốc là 24.595.522 đồng, nợ lãi là 23.299.956 đồng; khoản thẻ tín dụng nợ gốc là 3.990.005 đồng, nợ lãi là 7.727.435 đồng, phí là 7.884.430 đồng.

- Ông Trần Trọng B phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 08/02/2025 với lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/9/2020 (Khoản góp lương); Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/8/2020 (Khoản thấu chi và thẻ tín dụng) cho đến khi ông Trần Trọng B thanh toán xong các khoản nợ cho PVcomBank.

- Nếu ông Trần Trọng B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của ông Trần Trọng B để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay của Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/9/2020 (Khoản góp lương); Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/8/2020 (Khoản thấu chi và thẻ tín dụng).

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Tuy nhiên, từ khi Tòa án ban hành Quyết định gia hạn đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử bị trễ hạn. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán nợ vay nên Ngân hàng P khởi kiện ông Trần Trọng B tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/3/2024. Ông Trần Trọng B có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K; hiện nay cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Trần Trọng B không có yêu cầu phản tố. Do đó, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt ông Trần Trọng B tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS, ngày 09/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS, ngày 09/01/2025 cho ông Trần Trọng B theo quy định của pháp luật, ông Trần Trọng B vẫn vắng mặt phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và bà Trịnh Quyền Anh, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Trọng B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Trần Trọng B không hợp tác, cố tình trốn tránh, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn phải tiến hành các thủ tục tìm kiếm bị đơn nên thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài. Do đó, từ khi Tòa án ban hành Quyết định gia hạn đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử bị trễ hạn, nhưng không phải do lỗi chủ quan của Thẩm phán, Tòa án rút kinh nghiệm trong những vụ án về sau.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P:

2.1. Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Trần Trọng B và P- Chi nhánh Kiên Giang cùng ký các hợp đồng sau:

Hợp đồng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/09/2020 (Khoản góp lương) có số tiền thực tế giải ngân là 85.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 15,49%/năm, từ ngày 04/12/2020 lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay là mua sắm thiết bị nội thất gia đình, tiền vay gốc được thanh toán làm 60 kỳ vào ngày 15 hàng tháng, từ kỳ 01 đến kỳ 59 là 1.410.000 đồng/tháng, kỳ 60 là 1.810.000 đồng/tháng, kỳ hạn trả lãi hàng tháng tương ứng với số nợ gốc còn nợ, ngày trả nợ đầu tiên là 15/9/2020.

Hợp đồng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/08/2020 (Khoản thấu chi) có số tiền thực tế giải ngân trực tiếp vào tài khoản của ông Trần Trọng Bắc là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 17,49%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay là

thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác của ông Trần Trọng B.

Hợp đồng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/08/2020 (Thẻ tín dụng) có số tiền theo hạn mức thẻ tín dụng là 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 25%/năm và được điều chỉnh theo quy định của P.

Ông Trần Trọng B đã nhận đủ tiền vay gốc của các khoản vay nêu trên. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Trần Trọng B chỉ trả cho P- Chi nhánh Kiên Giang được một phần tiền vay gốc và tiền lãi như P đã nêu.

Căn cứ vào các Điều 351, 385, 401, 463, 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án buộc ông Trần Trọng B phải có trách nhiệm thanh toán cho P tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/02/2025 là 198.699.300đ (Một trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi chính ngàn, ba trăm đồng), trong đó: Khoản góp lương nợ gốc là 70.750.641 đồng, nợ lãi là 60.451.311 đồng; khoản thấu chi nợ gốc là 24.595.522 đồng, nợ lãi là 23.299.956 đồng; khoản thẻ tín dụng nợ gốc là 3.990.005 đồng, nợ lãi là 7.727.435 đồng, phí là 7.884.430 đồng.

Ông Trần Trọng B phải tiếp tục thanh toán cho P phần nợ lãi phát sinh từ ngày 08/02/2025 với lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/9/2020 (Khoản góp lương); Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/8/2020 (Khoản thấu chi và thẻ tín dụng) cho đến khi ông Trần Trọng B thanh toán xong các khoản nợ cho P.

Nếu ông Trần Trọng B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ nêu trên, thì P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của ông Trần Trọng B để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay của Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/9/2020 (Khoản góp lương); Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/8/2020 (Khoản thấu chi và thẻ tín dụng).

2.2. Việc ông Trần Trọng B thanh toán số tiền nêu trên cho P như thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng P.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục

án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

3.1. Tòa án buộc ông Trần Trọng B phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 198.699.300 đồng x 5% = 9.935.000đ (Chín triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

3.2. Ngân hàng P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng P đã nộp là 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005504 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 351, 385, 401, 463, 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Xử:

1- Buộc ông Trần Trọng B phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng P tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/02/2025 là 198.699.300đ (Một trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi chính ngàn, ba trăm đồng), trong đó: Khoản góp lương nợ gốc là 70.750.641 đồng, nợ lãi là 60.451.311 đồng; khoản thấu chi nợ gốc là 24.595.522 đồng, nợ lãi là 23.299.956 đồng; khoản thẻ tín dụng nợ gốc là 3.990.005 đồng, nợ lãi là 7.727.435 đồng, phí là 7.884.430 đồng.

Ông Trần Trọng B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng P phần nợ lãi phát sinh từ ngày 08/02/2025 với lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/9/2020 (Khoản góp lương); Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/8/2020 (Khoản thấu chi và thẻ tín dụng) cho đến khi ông Trần Trọng Bắc thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng P.

Nếu ông Trần Trọng B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số nợ nêu trên, thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của ông Trần Trọng B để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay của Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số 0309/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 04/9/2020 (Khoản góp lương); Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng

tín dụng số 3308/2020/HĐTD/PVB-CNKG ngày 28/8/2020 (Khoản thấu chi và thẻ tín dụng).

2- Về án phí:

2-1. Buộc ông Trần Trọng B phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.935.000đ (Chín triệu, chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

2-2. Ngân hàng P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng P đã nộp là 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005504 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Ngân hàng P có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (07/02/2025); Ông Trần Trọng B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương